

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP
NGÀNH SƯ PHẠM MẦM NON
ĐỢT XÉT TUYỂN: BỔ SUNG ĐỢT 1- 2019

TT	Số hồ sơ		Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	ĐT ƯT	KV ƯT	Tên tỉnh	Tên quận huyện	XL học lực lớp 12	Điểm môn Toán	Điểm môn Văn	Năng khiếu	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm TT	Năm TN
1	10	38006353	NAY H' VÂN	01/09/2001	Nữ	231363811	01	1	Gia Lai	Thị xã Ayun Pa	Khá	7.80	7.70	9.00	2.75	27.25	2019
2	42	38009530	RMAH LI NA	03/12/2001	Nữ	231241668	01	1	Gia Lai	Huyện Chư Păh	Khá	6.40	7.70	9.00	2.75	25.85	2019
3	17	38006408	ĐINH THỊ CHÂM	19/07/1999	Nữ	231337731	01	1	Gia Lai	Huyện KBang	Khá	6.70	6.60	9.50	2.75	25.55	2016
4	7	38009245	H LÃNH	13/02/2001	Nữ	231343247	01	1	Gia Lai	Huyện Đak Đoa	Khá	6.80	6.80	9.00	2.75	25.35	2019
5	29	38009590	SIU H' NINH	02/09/2001	Nữ	231355937	01	1	Gia Lai	Huyện Ia Pa	Khá	7.90	6.40	8.00	2.75	25.05	2019
6	30	38006136	KSOR H' REBEC CA	16/10/2001	Nữ	231354310	01	1	Gia Lai	Huyện Ia Pa	Khá	7.10	6.70	8.50	2.75	25.05	2019
7	26	38005667	KSOR H' NHUNG	15/03/2001	Nữ	231358505	01	1	Gia Lai	Huyện Đức Cơ	Khá	7.30	5.90	8.50	2.75	24.45	2019
8	32		DIỆP BẢO HỒNG	13/02/2000	Nữ	231300514		1	Gia Lai	Thành phố Pleiku	Khá	7.60	6.20	9.50	0.75	24.05	2018
9	8	38010622	PHẠM THỊ ÁNH DƯƠNG	23/05/2001	Nữ	231261027		1	Gia Lai	Thị xã An Khê	Khá	7.70	5.90	9.50	0.75	23.85	2019
10	39		NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	31/07/2000	Nữ	231267685		1	Gia Lai	Thành phố Pleiku	Khá	7.30	6.30	9.50	0.75	23.85	2018
11	31	38012112	LƯU VŨ HỒNG NHUNG	06/08/2001	Nữ	231372966		1	Gia Lai	Thành phố Pleiku	Khá	6.30	6.90	9.50	0.75	23.45	2019
12	44	38001677	TRẦN THANH NGÂN	17/11/2001	Nữ	231299546		1	Gia Lai	Thành phố Pleiku	Khá	7.10	6.60	9.00	0.75	23.45	2019
13	41	38002210	LƯƠNG THỊ QUỲNH THƯƠNG	28/12/1998	Nữ	231322656		1	Gia Lai	Thành phố Pleiku	Khá	6.80	6.30	9.50	0.75	23.35	2017
14	43	38002674	LÊ THỊ KIM HẬU	27/07/2001	Nữ	231320384		1	Gia Lai	Thành phố Pleiku	Khá	7.20	6.30	9.00	0.75	23.25	2019
15	36		VÕ THỊ BÍCH LIÊU	15/12/1999	Nữ	231301373		1	Gia Lai	Thành phố Pleiku	Khá	7.30	6.10	9.00	0.75	23.15	2017
16	19	38005543	TRẦN THỊ ĐÀI	14/12/2000	Nữ	231356956		1	Gia Lai	Huyện Đức Cơ	Khá	7.70	6.00	8.50	0.75	22.95	2019
17	35		NGUYỄN THỊ LONG PHÁT	18/06/1988	Nữ	230675980		1	Gia Lai	Thành phố Pleiku	Khá	6.60	6.50	9.00	0.75	22.85	2006
18	37		SIU HƯƠNG	30/01/2000	Nữ	231354313	01	1	Gia Lai	Huyện Ia Pa	Khá	6.30	6.90	8.75	2.75	24.70	2018
19	33		NGUYỄN THỊ HỒNG NGHI	30/01/1995	Nữ	230999943		1	Gia Lai	Thành phố Pleiku	Khá	5.80	7.00	9.00	0.75	22.55	2013
20	6	38005263	LÊ THỊ MƠ	12/12/2001	Nữ	231402818		1	Gia Lai	Huyện Đức Cơ	Khá	8.00	5.50	8.25	0.75	22.50	2019
21	22	38012119	BÙI THỊ KIM OANH	25/09/2001	Nữ	231390249		1	Gia Lai	Huyện Chư Prông	Khá	5.60	7.00	9.00	0.75	22.35	2019
22	24	38007820	VÕ THỊ THU QUÝ	22/07/2001	Nữ	231386467		1	Gia Lai	Huyện Chư Sê	Khá	7.40	6.10	8.00	0.75	22.25	2019
23	12	38007292	VÕ THỊ YÊN VY	16/02/2001	Nữ	231282409		1	Gia Lai	Huyện Chư Păh	Khá	6.30	6.50	8.50	0.75	22.05	2019
24	40		TỪ THỊ LỆ MY	12/10/1999	Nữ	231322564		1	Gia Lai	Thành phố Pleiku	Khá	5.80	6.50	9.00	0.75	22.05	2017
25	38		TRẦN THỊ TÂM	17/02/2000	Nữ	231371870		1	Gia Lai	Thành phố Pleiku	Khá	6.10	6.80	8.25	0.75	21.90	2018

Gia Lai, ngày 31 tháng 8 năm 2019
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH
(đã ký)

TS. Nguyễn Thị Thu Hà

TT	Số hồ sơ		Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	ĐT ƯT	KV ƯT	Tên tỉnh	Tên quận huyện	XL học lực lớp 12	Điểm môn Toán	Điểm môn Văn	Năng khiếu	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm TT	Năm TN
----	----------------	--	-----------	-----------	--------------	------	----------	----------	----------	----------------	-------------------------	---------------------	--------------------	---------------	----------------------------	------------	-----------